

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG THÀNH  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2021/HNGĐ - ST.

Ngày: 27 – 10 - 2021.

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Hoa.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Phước.

2. Ông Lưu Đức Chung.

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Lò Văn Lâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Đình Tất - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 338/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định hoãn phiên tòa số 221/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh **Ngô Xuân CH**, sinh năm 1977.

Địa chỉ thường trú: 27 khu 4, ấp 8, xã A, huyện L , tỉnh Đồng Nai.

**- Bị đơn:** Chị **Võ Thị Thùy L**, sinh năm 1982.

Địa chỉ đăng ký thường trú: 27 khu 4, ấp 8, xã A, huyện L , tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ nơi ở: ấp 3, xã A , huyện T , tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Chung cư Dream Home Luxyry – 89/57 đường 59, phường 14, quận G , Thành phố Hồ Chí M.

(Anh CH và chị L có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị L tự nguyện kết hôn vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống luôn xảy ra nhiều mâu thuẫn, tính cách bộc lộ khác nhau, chị L có thái độ thiếu tôn trọng mẹ chồng. Mâu thuẫn vợ chồng từ năm 2016, năm nào chị L cũng viết đơn ly hôn và yêu cầu anh ký nhưng chưa nộp đơn tại Tòa án. Chị L đã vay nợ nhiều nơi, không biết tiêu vào việc gì, chị L ngoại tình từ năm 2018 khi anh đi học ở Hà Nội, anh đã thấy nhiều lần chị L đi với người đàn ông khác nhưng anh không có bằng chứng. Trước đó, anh đã nộp đơn ly hôn với chị L tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành, Tòa án đã thụ lý vụ án vào tháng 01 năm 2021, nhưng vì các con nên anh đã rút đơn. Tuy nhiên, vào ngày 23/4/2021, anh bắt quả tang chị L đang quan hệ bất CH với người đàn ông khác tại nhà nghỉ tại huyện Trảng Bom. Cùng ngày mẹ của chị L xin cho chị L ra ngoài ở và chị L đã tự ra khỏi nhà, anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Do vậy, anh quyết định chấm dứt quan hệ hôn nhân với chị L. Anh yêu cầu Tòa giải quyết cho anh được ly hôn với chị L.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Ngô Võ Nhật M, sinh ngày 08/5/2008, Ngô Võ Nhật N, sinh ngày 03/02/2017, hiện nay đang sống chung với anh. Anh yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Anh có nhà ở ổn định, sống chung với mẹ ruột, làm việc tại Trường Sĩ quan lục quân 2 với mức lương hơn 14.000.000 đồng/tháng. Không phải một mình chị L chăm sóc con từ nhỏ đến nay, mà có chị, bà nội và các cô phụ chăm sóc con về cả vật chất và tinh thần. Chị L không đủ điều kiện nuôi con về chỗ ở, về thu nhập, về cách dạy con vì chị L đang ở trọ, nợ nhiều, thu nhập 6.500.000 đồng/tháng, chị L phải trả tiền trọ, nếu nuôi con thì phải tốn tiền học, tiền sữa cho con. Chị L không còn quan tâm đến con. Chị L đã ngoại tình nên vợ của người đàn ông đó đang tìm cách đánh ghen với chị L nên sẽ rất nguy hiểm cho cháu N. Sau này chị L mà quen người đàn ông khác thì cũng sẽ phức tạp, nguy hiểm cho cháu N. Nguyên vọng của cháu M cũng mong muốn được sống chung với em, do đó anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho anh được nuôi dưỡng cả hai con. Chị L cho rằng khi anh đi học thì có một số tháng anh không gửi tiền nuôi con là không đúng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Võ Thị Thùy L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị thống nhất với lời trình bày của anh CH về việc kết hôn. Chị và anh CH phát sinh mâu thuẫn từ tháng 4 năm 2021, nguyên nhân là do chị có tình cảm với người đàn ông khác và đã bị anh CH phát hiện. Không phải phát sinh mâu thuẫn từ năm 2016. Không có việc năm nào chị cũng viết đơn ly hôn, chỉ khi tức giận thì nói ly hôn đi. Không có việc chị quen người đàn ông khác từ năm 2018. Từ khi phát sinh mâu thuẫn, anh chị đã sống ly thân, chị ra ở trọ tại ấp 3 xã An Viễn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Nay chị xác định tình cảm giữa chị với anh CH không còn. Nay anh CH xin ly hôn, chị đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung như anh CH trình bày. Cháu M thì giải quyết theo nguyện vọng của cháu được sống với bố. Trong vụ án ly hôn này là do chị sai nhưng chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N vì chị là người chăm sóc con từ nhỏ đến nay, các cô bên chồng không sống chung nên không có việc phụ chăm sóc các cháu. Chị không yêu cầu anh CH cấp dưỡng nuôi con hoặc tùy tâm anh CH. Sau khi ly hôn thì chị đảm bảo điều kiện cho con về chỗ ở và học tập. Chị là giáo viên của trường Trung học cơ sở Trịnh Hoài Đức tại huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, với mức lương hơn 7.000.000 đồng/tháng. Hiện tại chị đang ở trọ gần trường. Anh CH cho rằng chị nợ nhiều không đủ điều kiện nuôi con là không đúng, trước đây chị trình bày khoản nợ đó là trong thời kỳ hôn nhân, phục vụ cho sinh hoạt gia đình. Tại phiên tòa, chị xác định số nợ còn lại hiện nay là nợ riêng của chị và tự chịu trách nhiệm. Việc vợ người đàn ông đó sau này có đánh ghen chị hay không thì đó là việc của họ và đã có pháp luật. Khi chị sống chung với gia đình chồng thì chị bị mất trộm tài sản, chăn nuôi thua lỗ nên chị phải đi vay nóng để trả tiền lãi. Vợ chồng chị có sắm máy nước nóng lạnh, máy giặt, ti vi, chứ không phải chị không sắm thứ gì. Vào năm 2018 anh CH đi học ở Hà Nội thì chị đã công khai số nợ đó, khi anh CH đi học thì anh CH có một số tháng không gửi tiền nuôi con, mà có bà nội phụ tiền nuôi cháu. Đến năm 2019 anh CH mới gửi tiền về nuôi con. Lương chị thấp nhưng những khi anh CH đi vắng không chu cấp thì chị vẫn lo cho con đầy đủ. Chị vẫn thường xuyên gọi điện cho các con nhưng bị anh CH ngăn cản.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Tại phiên tòa, chị xác định số nợ còn lại là nợ riêng của chị và tự chịu trách nhiệm. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:*

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ án, thời hạn giải quyết, thu thập chứng cứ, việc xét xử của Hội đồng xét xử, việc tuân theo pháp luật của Thư ký đúng pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Anh CH và chị L kết hôn với nhau từ năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Long Thành. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Bắt đầu từ năm 2018 thì anh CH và chị L bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trong cách sống và anh CH phát hiện chị L có vay nợ bên ngoài. Đến ngày 23/4/2021, thì anh CH bắt quả tang chị L có quan hệ bất CH với anh Đỗ Văn Nhất tại nhà nghỉ. Do vậy, anh CH yêu cầu được ly hôn với chị L. Về phía chị L xác định giữa chị và anh CH có mâu thuẫn với nhau và thừa nhận mình có quan hệ bất CH với anh Đỗ Văn Nhất bị anh CH phát hiện. Nên chị L đã chuyển ra phòng trọ sinh sống từ tháng 4/2021. Nay chị cũng xác định tình cảm với anh CH không còn nên đồng ý ly hôn với anh CH. Như vậy, cho thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh CH. Cho anh CH được ly hôn với chị L.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Ngô Võ Nhật M và cháu Ngô Võ Nhật N. Anh CH có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng 02 cháu, không yêu cầu chị L cấp dưỡng. Về phía chị L yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N. Xét thấy, hiện cháu M và cháu N đang sinh sống với anh CH, được chăm sóc tốt và bản thân cháu M có nguyện vọng được ở với anh CH và cháu N, đề nghị không chia rẽ hai anh em. Mặt khác, qua xét hỏi tại phiên tòa xác định hiện nay anh CH là người có điều kiện chăm sóc cho cháu M và cháu N tốt hơn so với chị L. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu M và cháu N cho anh CH tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc. Tạm thời chị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Nghị Quyết 326/20146/UBTVQH ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa Án, buộc đương sự phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn chị L sinh sống tại ấp 3, xã An Viễn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai từ ngày 23/4/2021 là thời điểm trước khi anh CH nộp đơn khởi kiện nhưng anh CH và chị L đã có văn bản thỏa thuận yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Long Thành giải quyết vụ án. Do đó căn cứ điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Long Thành giải quyết vụ án theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh CH và chị L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 36, ngày 26/3/2007, trên cơ sở tự nguyện nên được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại các Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với

nhau, thương yêu nhau, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, anh chị đều thừa nhận trong quá trình chung sống đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng do chị L có quan hệ bất CH với người đàn ông khác, anh chị đã sống ly thân và không còn tình cảm với nhau. Anh CH đã từng nộp đơn ly hôn, chị L vẫn không cố gắng vun vén, xây dựng gia đình hạnh phúc mà lại có quan hệ bất CH với người khác. Nay anh CH yêu cầu ly hôn, chị L đồng ý. Như vậy, giữa anh CH và chị L không còn tình nghĩa vợ chồng, không thể hàn gắn, đoàn tụ được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét yêu cầu ly hôn của anh CH là có căn cứ chấp nhận, cho ly hôn giữa anh CH và chị L.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên là Ngô Võ Nhật M, sinh ngày 08/5/2008, Ngô Võ Nhật N, sinh ngày 03/02/2017, hiện nay đang sống chung với anh CH. Anh CH yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Còn chị L yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu anh CH cấp dưỡng nuôi con. Xét nguyên nhân dẫn đến việc anh CH yêu cầu ly hôn với chị L là do chị L có quan hệ bất CH với người đàn ông khác, xét về điều kiện nuôi con của anh CH là đảm bảo hơn chị L về chỗ ở và công việc thì ổn định, mức thu thập thì cao hơn. Còn về điều kiện nuôi con của chị L: Về chỗ ở thì chị L đang ở trọ, thu nhập thì không đảm bảo bằng anh CH, chị L còn phải trả nợ 6.000.000 đồng/tháng (sáu triệu đồng một tháng). Xét về nguyện vọng của cháu M muốn được sống với anh CH và mong muốn được sống chung với em trai, còn cháu N thì đang sống chung với anh CH, cháu M và bà nội từ nhỏ đến nay nên để đảm bảo ổn định cuộc sống của cháu N về chỗ ở, tâm lý, phát triển về thể chất và tinh thần, học tập nên cần để cháu N được tiếp tục sống chung với anh CH. Do đó yêu cầu về con chung của anh CH là có căn cứ chấp nhận, giao cháu M và cháu N cho anh CH trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Anh chị khai không có nên không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Anh chị khai không yêu cầu giải quyết và theo kết quả xác M tại địa phương thì trong thời kỳ hôn nhân của anh chị, không có ai tranh chấp với anh chị về nghĩa vụ tài sản nên không xem xét.

[6] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Theo Công văn số: 02/TANDTC-PC “V/v: Giải đáp một số vướng mắc trong xét xử” ngày 02/8/2021 của Tòa án nhân dân tối cao thì do trước khi mở phiên tòa xét xử, đương sự tự nguyện ly hôn nhưng không thỏa thuận được về con chung nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử và ra bản án sơ thẩm, trong trường hợp này các đương sự chỉ phải chịu 50% mức án phí quy định đối với yêu cầu xin ly hôn (mỗi bên phải chịu 25% mức án



phí quy định). Do đó, anh CH phải chịu 75.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp, trả lại cho anh CH số tiền còn dư, chị L phải chịu 75.000 đồng.

[7] Đối với ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Công văn số: 02/TANDTC-PC “V/v: Giải đáp một số vướng mắc trong xét xử” ngày 02/8/2021 của Tòa án nhân dân tối cao;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Xuân CH về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với chị Võ Thị Thùy L, cho ly hôn giữa anh CH và chị L.

Về con chung: Giao cháu Ngô Võ Nhật M, sinh ngày 08/5/2008, cháu Ngô Võ Nhật N, sinh ngày 03/02/2017 cho anh CH trực tiếp nuôi dưỡng, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị L được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh CH phải chịu 75.000 đồng (bảy mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0005203 ngày 28/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Trả lại cho anh CH 225.000 đồng. Chị L phải chịu 75.000 đồng (bảy mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

Anh CH, chị L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Long Thành;
- Chi cục THADS H. Long Thành;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã **A**.
- Các đương sự;
- Lưu.

**Trần Thị Thanh Hoa**





Chị Diễm, anh Ân được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thanh Hoa**